TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **14**/2022/QĐST-HNGĐ	*Bù Đăng, ngày 17 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số: 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị T; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: ông Vũ Văn N; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Trần Thị T và ông Vũ Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Văn N và bà Trần Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Xuân T; sinh ngày: 03/7/2005 và Vũ Thế T, sinh ngày: 25/6/2012 cho ông Vũ Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, bên không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3.Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà T.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí: bà Trần Thị T nhận nộp 150.000đồng số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền mà bà đã nộp tạm ứng trước theo biên lai số 016459 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chi cục thi hành án dân sự huyện B hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền còn lại 150.000đồng theo biên lai số 016459 ngày 29/9/2021 và trả số tiền 21.000.000đồng cho bà T theo biên lai số 0000188 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Điểu Thị Hạnh